



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2021

BẢN TIN SỐ 1289

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Ngày 29/01/2021 đến ngày 04/02/2021)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn *Oryza.com*)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	29-01	01-02	02-02	03-02	04-02
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	540 - 544	540 - 544	545 - 549	545 - 549	553 - 557
	5% tấm	530 - 534	530 - 534	535 - 539	535 - 539	543 - 547
	25% tấm	507 - 511	507 - 511	512 - 516	512 - 516	518 - 522
	Hom Mali 92%	833 - 837	833 - 837	833 - 837	833 - 837	833 - 837
	Gạo đỏ 100% Stxd	528 - 532	530 - 534	533 - 537	533 - 537	538 - 542
	A1 Super	455 - 459	455 - 459	455 - 459	455 - 459	473 - 477
VIỆT NAM	5% tấm	523 - 527	523 - 527	523 - 527	523 - 527	523 - 527
	25% tấm	498 - 502	498 - 502	498 - 502	498 - 502	498 - 502
	Jasmine	608 - 612	608 - 612	593 - 597	593 - 597	593 - 597
	100% tấm	438 - 442	438 - 442	438 - 442	438 - 442	438 - 442
ẤN ĐỘ	5% tấm	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392
	25% tấm	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
	Gạo đỏ 5% Stxd	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392
	100% tấm Stxd	280 - 284	268 - 272	268 - 272	268 - 272	268 - 272
PAKISTAN	5% tấm	453 - 457	458 - 462	453 - 457	448 - 452	448 - 452
	25% tấm	408 - 412	408 - 412	403 - 407	403 - 407	403 - 407
	100% tấm Stxd	368 - 372	368 - 372	363 - 367	358 - 362	358 - 362
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	458 - 462	458 - 462	458 - 462	458 - 462	458 - 462
MỸ	4% tấm	586 - 590	586 - 590	586 - 590	586 - 590	586 - 590
	15% tấm (Sacked)	561 - 565	561 - 565	561 - 565	561 - 565	561 - 565
	Gạo đỏ 4% tấm	596 - 600	596 - 600	596 - 600	596 - 600	596 - 600
	Calrose 4%	843 - 847	843 - 847	843 - 847	848 - 852	848 - 852

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Nigeria:

*** Khoản đầu tư 3,4 nghìn tỷ Naira bị ảnh hưởng do nạn buôn lậu:**

Ngày 01/02/2021

(Nguồn: thenationonline.net)

Các nhà chế biến gạo cho biết các khoản đầu tư trị giá 3,4 nghìn tỷ Naira của họ vào chế biến lương thực chính ngạch đang bị đe dọa bởi nạn buôn lậu. Để giải cứu các khoản đầu tư nói trên, các nhà chế biến kêu gọi Chính phủ Liên bang hình sự hóa việc bán gạo nước ngoài nhập lậu.

Trước thực trạng kể trên, người đứng đầu Hiệp hội Chế biến Gạo Nigeria (RIPAN) cảnh báo rằng hầu hết các nhà máy xay xát gạo ở Nigeria đang đứng trước nguy cơ đóng cửa do các khoản đầu tư vào lĩnh vực này đang bị đe dọa bởi hoạt động buôn lậu và điều này sẽ dẫn đến việc các công nhân nhà máy bị mất việc. Hiện tại, Nigeria đang có khoảng 3,2 triệu nhà máy nhỏ sử dụng hơn 13 triệu công nhân, bình quân mỗi nhà máy nhỏ sử dụng ít nhất 05 công nhân.

Ông cũng cho biết thêm rằng, đã có lúc chính phủ giải quyết nạn buôn lậu gạo, nhưng sau các hoạt động của phong trào #EndSARS và việc chính phủ Liên bang mở lại biên giới, thị trường lại tràn ngập gạo ngoại. Điều này làm đất nước thất thu vì những kẻ buôn lậu không thực hiện đúng nghĩa vụ để đưa gạo vào đất nước và sự phát triển của hình thức này đang giết chết nền kinh tế của họ. Bên cạnh đó, Người tiêu dùng cho rằng bất kỳ loại gạo nào mà họ nhìn thấy trong chợ, cửa hàng thậm chí trong nhà của họ đều không phải là gạo do Nigeria sản xuất và đều được nhập lậu vào nước này.

RIPAN cho biết đã nhiều lần kiến nghị với chính phủ về việc Hình sự hóa việc bán gạo ngoại nhập lậu vào chợ và siêu thị. Hiện mặt hàng Gạo đứng hàng đầu trong danh sách các sản phẩm bị cấm mà Ngân hàng Trung ương Nigeria (CNB) đưa ra hạn chế đối với ngoại hối.

Liên minh Châu Âu (EU):

***Liên minh Nông dân Ý đề nghị EU ngưng ưu đãi thuế nhập khẩu bằng không đối với Miến Điện:**

Ngày 01/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Liên minh nông dân của Italy, Coldiretti, nói rằng EU nên đình chỉ thuế nhập khẩu ưu đãi bằng 0 theo chương trình ưu đãi EBA (Mọi thứ trừ vũ khí) đối với gạo từ Miến Điện, một quốc gia kém phát triển hơn (LDC), sau cuộc đảo chính quân sự.

Mỹ và EU lên án cuộc đảo chính. Quân đội Miến Điện đã nắm chính quyền trong một cuộc đảo chính chống lại chính phủ được bầu cử dân chủ

của người đoạt giải Nobel Aung San Suu Kyi, người đã bị bắt giữ cùng với các lãnh đạo khác của đảng Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ (NLD) của bà trong các cuộc đột kích vào sáng sớm.

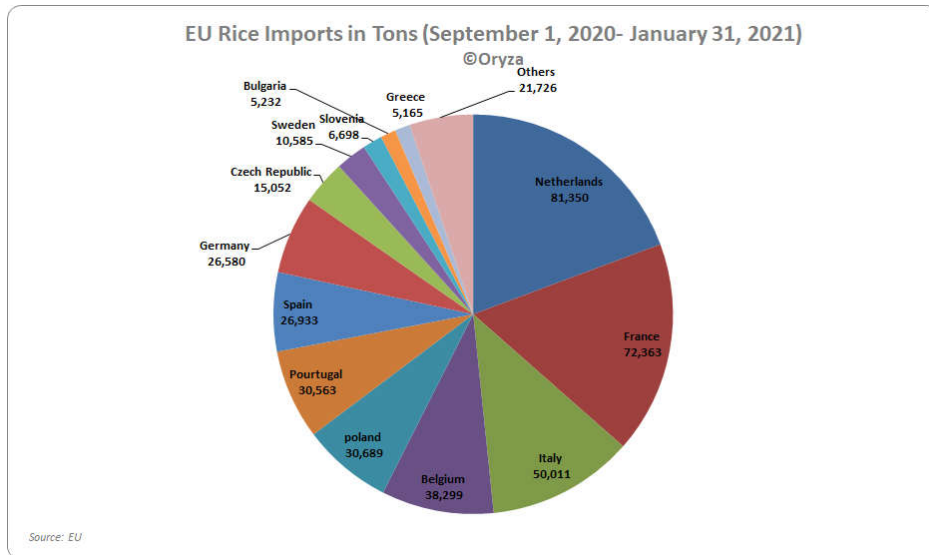
Trong những năm gần đây, Miến Điện đã trở lại thị trường gạo với tư cách là một nhà xuất khẩu gạo quan trọng, đặc biệt là sang Trung Quốc và EU. Nước này xuất khẩu khoảng 2 đến 3 triệu tấn gạo mỗi năm.

EU và Anh:

*** Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

Ngày 02/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)



Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của EU và Anh, từ ngày 01/09/2020 đến 31/01/2021, EU và Anh đã nhập khẩu 505.266 tấn gạo xay xát trong niên vụ 2020/21 (tính từ 01/09/2020 đến 31/08/2021), giảm khoảng 8% so với 550.948 của cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng 88.499 tấn và nhập khẩu gạo Indica là 416.767 tấn.

Về xuất khẩu, EU và Anh đã xuất 102.110 tấn gạo xay xát, tăng khoảng 8% so với 94.141 tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, tổng xuất khẩu gạo Japonica đạt 82.985 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt 19.125 tấn.

Nhật Bản:

*** Thông báo Đấu thầu SBS:**

Ngày 03/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF), nước này tổ chức đấu thầu mua và bán đồng thời (SBS) vào ngày 17/02/2021 nhằm mua khoảng 30.000 tấn gạo. Buổi đấu thầu được diễn ra vào lúc 11:00 sáng và 12:00 trưa theo giờ địa phương.

Đây là gói thầu nhập khẩu SBS lần thứ Bảy do Nhật Bản tổ chức trong năm tài chính 2021 (04/2020 - 03/2021). Chi tiết theo file đính kèm.

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/index-323.pdf

Iraq:

*** Công bố một số chào giá trong buổi đấu thầu:**

Ngày 03/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo Reuters, Iraq đã nhận được một số đề nghị trong cuộc đấu thầu diễn ra vào ngày 03/02 cho 30.000 tấn gạo, không kể xuất xứ và chào giá phải có hiệu lực đến ngày 10/02, chi tiết như sau:

- Gạo Pakistan có giá chào thấp nhất CNF liner out 560 USD/tấn cho 30.000 tấn.
- Gạo Thái Lan được chào ở mức giá tối thiểu CNF liner out 612,49 USD/tấn, trong 3 lần.
- Gạo Brazil được chào giá tối thiểu CNF liner out 675,50 USD / tấn, trong 2 lần chào.
- Gạo Mỹ được chào ở mức CNF liner out 697 USD/tấn, trong một lần chào.
- Gạo Uruguay được chào giá CNF liner out 677 USD/tấn, trong một lần chào hàng.
- Gạo Argentina được chào bán với giá CNF free out, not liner out 686,50 USD/ tấn trong một lần chào hàng.

Bangladesh:

*** Tiếp tục nhập khẩu gạo từ Myanmar:**

Ngày 04/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Bloomberg trích dẫn một tuyên bố của Bộ Tài chính Bangladesh cho biết, chính phủ nước này đã chấp thuận trở lại việc nhập khẩu 100.000 tấn gạo trắng từ Myanmar kèm theo điều kiện, sau một cuộc đảo chính quân sự tại quốc gia này.

Thông thường, Bangladesh sẽ thanh toán trước khi hàng được nhập khẩu vào nước này. Tuy nhiên, chính phủ đã quyết định điều chỉnh điều kiện tiếp tục nhập khẩu gạo trong bức thư từ chối nhập khẩu gạo đã gửi trước đó cho chính phủ Myanmar. Theo đó, Chính phủ Bangladesh đề xuất thanh toán hàng nhập khẩu bằng cách mở thư tín dụng (LC) và thanh toán sau khi hàng nhập khẩu đến nước này.

Bộ trưởng Bộ Tài chính Bangladesh cho biết tại một cuộc họp báo rằng Bộ Tài chính đang theo dõi những diễn biến mới ở Myanmar và khuyến Bộ Lương thực tiến hành một cách thận trọng.

Ghana:

*** Dự báo từ FAO:**

Ngày 04/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) ước tính sản lượng lúa năm 2020 của Ghana đạt 973.000 tấn, tăng khoảng 5,2% so với ước tính 925.000 tấn năm 2019.

Thu hoạch lúa cho năm 2020 đã hoàn thành. Sự hỗ trợ của chính phủ trong việc cung cấp hạt giống cải tiến, phân bón, dịch vụ khuyến nông và tiếp thị, cùng với thời tiết thuận lợi đã mang lại lợi ích cho hầu hết các vùng của đất nước.

FAO dự báo nhập khẩu ngũ cốc (bao gồm cả gạo) của Ghana năm 2020/21 ở mức trên trung bình là 1,7 triệu tấn do các thương nhân đang quan tâm đến việc bổ sung dự trữ trong kho của họ.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/GHA/pdf/GHA.pdf>

Cuba:

*** Dự báo từ FAO:**

Ngày 04/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo báo cáo của Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), hoạt động gieo trồng vụ lúa năm 2021 của Cuba bắt đầu vào giữa tháng 11/2020. Hoạt động trồng trọt đã bị trì hoãn do độ ẩm đất bão hòa và kéo dài cho đến cuối tháng 02/2021. Do điều kiện thời tiết không thuận lợi khi bắt đầu gieo trồng, FAO dự báo diện tích trồng của cả nước vẫn ở mức dưới trung bình. Lượng mưa có thể thấp hơn trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 4/2021 dẫn đến lo ngại về tiềm năng sản lượng.

FAO ước tính sản lượng lúa năm 2020 của Cuba đạt 370.000 tấn, giảm khoảng 2,1% so với ước tính 378.000 tấn năm 2019.

FAO dự báo tổng nhập khẩu ngũ cốc (bao gồm cả gạo) của Cuba năm 2020/21 ở mức thấp là 1,95 triệu tấn mặc dù sản lượng thấp vào năm 2020. Nhập khẩu giảm là do áp đặt các lệnh trừng phạt quốc tế nghiêm ngặt hơn. Ngô vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nhập khẩu ngũ cốc của Cuba.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/CUB/pdf/CUB.pdf>

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan, Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan (TREA) đánh giá triển vọng xuất khẩu gạo năm 2021 không lạc quan hơn so với năm 2020 do tình trạng hạn hán làm sản lượng sụt giảm và hoạt động xuất khẩu gạo theo đó cũng bị ảnh hưởng. Dự báo thời tiết khô hạn sẽ còn kéo dài đến tháng 5/2021 và ước tính sản lượng bị thiệt hại khoảng 20%. Đồng baht Thái mạnh là một trong những nguyên nhân chính tác động đến khả năng cạnh tranh của nguồn cung này khi tăng đến 11% so với đồng dollar kể từ thời điểm tháng 4/2020. Bên cạnh đối thủ Ấn Độ, Trung Quốc cũng đang nổi lên như một nguồn cung cạnh tranh trực tiếp với Thái Lan trên thị trường tiêu thụ châu Phi nhờ tồn kho gạo cũ sẵn có và giá chào rẻ. Thậm chí, TREA cho biết nếu nhu cầu thế giới năm vừa qua không tăng cao do dịch bệnh thì rất có thể kết quả xuất khẩu gạo năm 2020 của quốc gia này còn thấp hơn nữa.

Nhu cầu nội địa và kỳ vọng thị trường thời gian tới (thầu nhập khẩu gạo của Bernas, Malaysia và Iraq) là những nhân tố đang hỗ trợ cho phân khúc gạo trắng Thái Lan khi giá gạo nội địa tiếp tục tăng giữa thời kỳ giáp hạt. Các thương nhân tập trung giao hoàn tất các đơn hàng đi Philippines trước ngày 15/2 để kịp thời hạn giấy phép. Nguồn cung này cũng vừa trúng thầu cung cấp 28.000 tấn gạo trắng cho Nhật Bản với mức giá vào khoảng 500-510 USD/T/FOB, thời gian giao hàng tháng 4-6/2021. Trong khi đó, phân khúc gạo đỏ, gạo thơm và nếp khá yên ắng do thiếu vắng nhu cầu.

Ấn Độ, tương tự những tuần vừa qua. Nhu cầu nhập khẩu gạo trắng, gạo đỏ và gạo tấm từ châu Phi và Trung Quốc vẫn hiện hữu do tồn kho nước đến thấp. Tuy nhiên, các thương nhân xuất khẩu gạo lại đang rất thận trọng do năng lực xay sát hạn chế giữa bối cảnh chính phủ tập trung thu mua và chuỗi logistic tiếp tục bị gián đoạn. Chênh lệch giá chào theo cảng xếp hàng gia tăng. Riêng phân khúc gạo basmati vẫn yên ắng do thiếu vắng nhu cầu từ Trung Đông và nguồn cung hạn chế.

Năm 2020, Ấn Độ xuất khẩu tổng cộng 14,6 triệu tấn, tăng 33% so với năm 2020. Trong đó, gạo basmati là 5 triệu tấn, tăng 14% và gạo non-basmati là 9,6 triệu tấn, tăng 78%.

Pakistan, giá chào tăng nhờ nhu cầu Trung Quốc hỗ trợ cùng với diễn biến của đồng rupee tuần qua. Dự báo các nhà nhập khẩu gạo Trung Quốc sẽ sôi động hơn sau kỳ nghỉ tết Âm Lịch. Trong khi đó, khách hàng châu Phi đang cân nhắc do giá chào gạo Pakistan hiện đang ở mức cao so với thời điểm mọi năm cũng như so với những nguồn cung khác.

Phân khúc gạo basmati khá yên ắng do khách hàng châu Âu hiện đang tập trung vào các hợp đồng đã ký trước đó và dự kiến nhu cầu sẽ quay lại vào cuối tháng 2/2021 nhằm chuẩn bị cho kỳ nghỉ lễ Ramadan.

Miến Điện, ký thỏa thuận cấp chính phủ cung cấp 100.000 tấn gạo emata 5% tằm cho Bangladesh với giá 485 USD/T/CIF, giao hàng tháng 4/2021. Đây là thỏa thuận đầu tiên được hai nước ký kết trở lại kể từ thời điểm tháng 10/2017 và cũng là thỏa thuận “khác Ấn Độ” đầu tiên của Bangladesh kể từ khi nước này quay trở lại thị trường nhập khẩu gạo hồi tháng 11/2020. Tuy nhiên, giao dịch này gần như không tác động đến khung giá chào do thời gian giao hàng xa. Phân khúc gạo tằm trắng tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ châu Âu do tồn kho nước đến thấp cũng như nhu cầu thường niên hiện hữu của Trung Quốc. Trong khi đó, phân khúc gạo trắng 25% tằm khá yên ắng do nhu cầu thị trường châu Phi chậm lại.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 29/01	Ngày 01/02	Ngày 02/02	Ngày 03/02	Ngày 04/02
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,46	6,46	6,45	6,46	6,46
Euro (USD/Euro)	1,21	1,21	1,21	1,20	1,20
Rupiah Indonesia (IDR)	14.038,47	14.031,10	14.024,96	14.007,78	14.029,20
Rupee Ấn Độ (INR)	73,00	73,03	72,96	72,94	72,91
Yen Nhật Bản (JPY)	104,57	104,88	104,87	105,04	105,26
Philippines Peso (PHP)	48,08	48,08	48,05	48,02	48,11
Pakistan Rupees (PKR)	160,50	160,53	160,54	160,55	160,49
Baht Thái Lan (THB)	29,98	29,98	29,98	30,01	30,05
Vietnamese Dong (VND)	22.964,80	23.063,38	23.015,98	23.080,05	23.137,35

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 04/02/2020, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Đông Xuân 2020 – 2021 đã xuống giống được 1,480 ha/1,550 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 90 ngàn ha với năng suất khoảng 6,35 tấn/ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 23.01 đến 29.01.2020):

(Nguồn www.ppd.gov.vn, Theo Cục BVTV)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

* Trên cây lúa

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 2.114 ha giảm 710 ha so với kỳ trước, giảm 13.716 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 1.220 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Hậu Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh,...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 7.209 ha tăng 2.300 ha so với kỳ trước, tăng 3.476 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 2.272 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, An Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 598 ha giảm 299 ha so với kỳ trước, tăng 250 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 187 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, Ninh Thuận.

- **Sâu năn muỗi hành):** Diện tích nhiễm 2.017 ha giảm 2.333 ha so với tuần trước, tăng 306 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 29 ha trong đó: Đồng Tháp 20 ha, Long An 9ha); tỷ lệ hại phổ biến 10-15 % dảnh, nơi cao > 20% dảnh. Muỗi hành xuất hiện gây hại tại các tỉnh Long An Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang.

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 24.228 ha tăng 2.160 ha so với kỳ trước, giảm 3.890 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 19.579 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Ngãi, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, ...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 3.845 ha giảm 1.006 ha so với kỳ trước, tăng 1.023 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 2.114 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Kiên Giang, Cà Mau, Long An, Bình Thuận.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 5.951 ha giảm 316 ha so với kỳ trước, tăng 6.947 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 2.313 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, An Giang.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 5.951 ha tăng 631 ha so với kỳ trước, tăng 667 so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 4.497 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía Nam như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang.

- **Bệnh lúa von:** Bệnh phát sinh gây hại với diện tích nhiễm 26,5 ha tại huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An; tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10 %, cục bộ có nơi 30 - 50%.

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 7.754 ha tăng 1.483 ha so với kỳ trước, tăng 1.048 ha so với CKNT), diện tích nặng 117 ha, diện tích phòng trừ trong kỳ 6.171 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Tháp, An Giang, Sóc

Trăng, Hậu Giang, Long An, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, ...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 5.849 ha giảm 1.135 ha so với kỳ trước, giảm 197 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 3.042 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Bạc Liêu, Tp. HCM, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Nam, Phú Yên, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Điện Biên, Phú Thọ,...

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ

- Trên mạ chiêm xuân sớm: Các đối tượng sâu bệnh như *sâu đục thân 2 chấm, rầy các loại, ốc bươu vàng, chuột*,... hại nhẹ.

- Trên Lúa Đông Xuân sớm 2020 - 2021: có một số đối tượng chính như *ốc bươu vàng, chuột, tuyến trùng*,... hại cục bộ.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

- Các đối tượng: *Ốc bươu vàng, chuột*, ... tiếp tục phát sinh gây hại trên mạ, lúa mới gieo tại các tỉnh trong vùng.

- *Bệnh đạo ôn lá:* có khả năng phát sinh trên lúa trà sớm tại các tỉnh phía Nam vùng.

- Một số diện tích lúa, mạ tại các tỉnh phía Bắc vùng có khả năng bị trắng lá nếu gặp thời tiết rét đậm, rét hại kết hợp ẩm độ thấp, đặc biệt trên những diện tích mạ không được che phủ nilon, thiếu nước.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn lá, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm*...gây hại phổ biến ở mức nhẹ - Trung bình trên lúa Đông Xuân sớm giai đoạn đứng cái - Làm đòng.

- *Bọ trĩ, ruồi đục nõn, sâu cuốn lá nhỏ, sâu keo*...gây hại rải rác trên lúa Đông Xuân giai đoạn mạ -Đẻ nhánh.

- *Chuột:* tiếp tục gây hại trên các trà lúa, gây hại mạnh trên lúa mới gieo sạ và lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh.

- *Ốc bươu vàng:* tiếp tục lây lan theo nguồn nước, hại nặng cục bộ lúa Đông Xuân muộn giai đoạn sạ - Mạ, đặc biệt tại các vùng trũng.

d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long:

- *Rầy nâu:* Rầy tuổi 2-3 tiếp tục phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ -Trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - Đòng, trổ.

- *Bệnh đạo ôn:* Diện tích và mức độ hại có thể tăng do điều kiện thời tiết lạnh, sương mù về đêm và giai đoạn lúa thích hợp cho bệnh phát sinh phát triển. Đặc biệt những diện tích gieo trồng giống nhiễm như IR 50404, OM 4218, Jasmine 85, VD 20, nếp,... sạ dày, bón thừa phân đạm có khả năng bị hại nặng.

- *Sâu năn muỗi hành:* Tiếp tục gây hại ở mức nhẹ - Trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh; đặc biệt ở các ruộng có xử lý hạt giống, sạ dày, phun thuốc trừ sâu sớm có khả năng bị hại nặng. Chú ý: các địa phương thường

xuất hiện sâu năn muối hành) gây hại mạnh hàng năm như Đồng Tháp, Long An,... cần hướng dẫn nông dân bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm và sử dụng chất kích thích sinh trưởng ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh; tăng cường bón lân, kali; bón bổ sung phân có hàm lượng canxi, magiê, silic giúp cây khỏe tăng sức chống chịu.

Ngoài ra, lưu ý: i) Phòng ngừa tốt đối với *ốc bươu vàng* đặc biệt đối với lúa mới sạ <15 ngày và những ruộng trũng, khó thoát nước ii) Khuyến cáo áp dụng các biện pháp diệt *chuột* trên diện rộng, ưu tiên các biện pháp cơ học, các loại bả mồi sinh học; thu gom xác chuột, bả mồi để giảm ô nhiễm môi trường; tuyệt đối không sử dụng điện diệt chuột để tránh gây nguy hiểm cho con người và các động vật có ích khác.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu tháng 1/2021 đạt 374.774 tấn, trị giá 191,882 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 12,4% và về trị giá giảm 0,6%.

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/01 – 31/01/2021, có 24 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 148.600 tấn gạo các loại trong đó, 20 tàu cảng Hồ Chí Minh và 04 tàu cảng Mỹ Tho ().

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Royal 27	HCM	01/01/21	11.800	Philippines
2	Ocean 19	HCM	04/01/21	6.200	Philippines
3	Sky Fortune	HCM	04/01/21	5.000	Malaysia
4	Hà Đông	Mỹ Tho	07/01/21	3.900	Philippines
5	TLC 01	HCM	09/01/21	6.000	Philippines
6	Hải Phương 619	HCM	10/01/21	4.500	Philippines
7	Việt Hải Star	HCM	10/01/21	4.500	Philippines
8	HKT Venus	HCM	12/01/21	3.800	Philippines
9	Hòa Bình 54	HCM	13/01/21	4.800	Philippines
10	Trường Lộc 16	HCM	13/01/21	4.900	Philippines
11	Vĩnh Phúc 168	Mỹ Tho	15/01/21	2.900	Philippines
12	Quang Minh 29	HCM	17/01/21	6.400	Philippines
13	New Hope	HCM	18/01/21	6.000	Philippines
14	Quang Minh 5	HCM	19/01/21	4.000	Philippines
15	Mỹ Hưng	HCM	19/01/21	6.000	Philippines
16	Serena R	HCM	20/01/21	25.000	Châu Phi
17	Pacific	HCM	21/01/21	6.000	Philippines
18	Từ Sơn	HCM	21/01/21	6.000	Philippines

- Bản Tin 1289 (Từ Ngày 29/01/2021 Đến Ngày 04/02/2021) -

19	Phú An	HCM	23/01/21	4.400	Philippines
20	New Xa La	Mỹ Thới	28/01/21	4.000	Philippines
21	Việt Hải	Mỹ Thới	29/01/21	4.000	Philippines
22	Quang Minh 6	HCM	28/01/21	4.000	Philippines
23	Sea Dream	HCM	29/01/21	10.500	Hàn Quốc
24	Giang Hải	HCM	30/01/21	4.000	Philippines
Tổng				148.600	



IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	04/02	+/-	04/02	+/-	04/02	+/-	04/02	+/-	04/02	+/-	04/02	+/-	04/02	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.850	-200			6.950	-	6.950	-	7.075	-50			7.200	-	7.200	7.005
Lúa thường	6.750	-200			6.900	-	6.850	-	7.025	-25	6.850	-	7.000	-	7.025	6.896
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.850	-400	7.950	-	8.500	-			7.325	-50			8.200	-	8.500	7.965
Lúa thường	7.750	-400	7.650	-	8.150	-			7.275	-25			8.000	-	8.150	7.765
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	10.950	-	10.450	-	10.575	-75			10.350	-300			10.650	-50	10.950	10.595
Lứt loại 2	10.450	-	10.250	-	10.275	-75			10.250	-100	10.450	+300	10.300	+50	10.450	10.329
Xát trắng loại 1			11.550	-			11.750	+100	11.750	-150			11.900	-300	11.900	11.738
Xát trắng loại 2			11.350	-			11.550	+200	11.350	-200	11.750	+150	11.600	+50	11.750	11.520
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	9.650	-	9.450	+200	9.950	-	9.350	-	9.300	-	9.850	-	10.100	-100	10.100	9.664
Tấm 2/3			8.550	-	9.350	+50			8.350	-			8.400	-	9.350	8.663
Tấm 3/4	8.250	-	8.250	-	8.350	-	8.150	+200							8.350	8.250
Cám xát	7.450	-	7.350	-	7.475	+225	7.150	+200	7.450	-	6.750	-300	7.600	+200	7.600	7.318
Cám lau	7.450	-	7.350	-	7.475	+225	7.150	+200	7.450	-	6.750	-300	7.600	+200	7.600	7.318
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.650	-	11.850	-	10.700	-	12.250	+600	12.450	-	11.900	+150	11.650	-50	12.450	11.779
10%			11.750	-					12.400	-					12.400	12.075
15%	11.250	-	11.650	-	10.400	-			12.350	-	11.700	+150	11.450	-50	12.350	11.467
20%			11.550	-					12.200	-					12.200	11.875
25%	10.850	-	11.450	-	10.100	-			11.600	-	11.500	+150	11.150	-50	11.600	11.108
